

Bản án số: 22/2018/HS-ST

Ngày 24/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Minh

2. Bà Nguyễn Thị Quy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-HS ngày 07/5/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/HSST-QĐ ngày 17/5/2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức V, sinh năm 1990 tại huyện K, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức N và bà Vũ Thị C; có vợ là Tạ Thị H và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/02/2018 đến ngày 26/02/2018, hiện đang tại ngoại; có mặt.

2. Nguyễn Đức C, sinh năm 1976 tại huyện K, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức C và bà Bùi Thị T; có vợ là Trần Thị C và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/02/2018 đến ngày 26/02/2018, hiện đang tại ngoại; có mặt.

3. Vũ Văn T, sinh năm 1987 tại huyện K, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc

tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn X (đã chết) và bà Tạ Thị U; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/02/2018 đến ngày 26/02/2018, hiện đang tại ngoại; có mặt.

4. Nguyễn Đức T1, sinh năm 1976 tại thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: Tổ 46, khu 5, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức L (đã chết) và bà Hoàng Thị M; có vợ là Vũ Thị N và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/02/2018 đến ngày 26/02/2018, hiện đang tại ngoại; có mặt.

5. Nguyễn Đức K, sinh năm 1981 tại huyện K, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức K và bà Bùi Thị K; có vợ là Nguyễn Thị H và có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/02/2018 đến ngày 26/02/2018, hiện đang tại ngoại; có mặt.

6. Nguyễn Đức D, sinh năm 1979 tại huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Q (đã chết) và bà Đào Thị B; có vợ là Nguyễn Thị H và có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/02/2018 đến ngày 26/02/2018, hiện đang tại ngoại; có mặt.

7. Nguyễn Đức M, sinh năm 1979 tại huyện K, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức B và Nguyễn Thị C; có vợ là Trần Thị T và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/02/2018 đến ngày 26/02/2018, hiện đang tại ngoại; có mặt.

8. Nguyễn Đức T2, sinh năm 1978 tại huyện K, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Đ (đã chết) và bà Phạm Thị L; có vợ là Lê Thị N và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/02/2018 đến ngày 26/02/2018, hiện đang tại ngoại; có mặt.

9. Nguyễn Đức H, sinh năm 1984 tại huyện K, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức B và bà Nguyễn Thị C; có vợ là

Tăng Thị N và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/02/2018 đến ngày 26/02/2018, hiện đang tại ngoại; có mặt.

Người làm chứng: Anh Bùi Quang S, sinh năm 1960. Nơi cư trú: thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/02/2018, dòng họ Nguyễn Đức tổ chức giỗ họ tại nhà thờ họ ở thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi ăn cơm xong, mọi người ngồi chơi uống nước và hát karaoke tại sân nhà thờ. Đến khoảng 20 giờ 10 phút cùng ngày, Nguyễn Đức V lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân bài hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá có sẵn ở góc nhà thờ đem ra ngoài hiên nhà thờ và nói “ Anh em làm tý xóc đĩa”(ý là rủ mọi người đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền) thì Nguyễn Đức C, Nguyễn Đức H, Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Đức K, Nguyễn Đức T1, Vũ Văn T đồng ý lên hiên trước cửa nhà thờ để đánh bạc, C là người cầm cái. Khi đánh bạc V có 1.000.000đồng, C có khoảng 10.000.000đồng, H có 100.000đồng, M có 770.000đồng, T2 có 580.000đồng, K có 5.750.000đồng, T1 có khoảng 9.000.000đồng, T có khoảng 10.700.000đồng. Các đối tượng trên quy định mỗi ván mỗi người đánh thấp nhất là 10.000 đồng trở lên theo hai cửa chẵn và lẻ. Khi người cầm cái mở bát ra có 02 quân bài hoặc 04 quân bài cùng màu là chẵn, nếu 01 quân bài hoặc 03 quân bài cùng màu là lẻ. Nếu ai đặt đúng thì được hưởng bằng số tiền đã đặt do người cầm cái trả, còn nếu ai đặt sai thì mất toàn bộ số tiền đã đặt cho người cầm cái. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Đức D đến và sử dụng 1.300.000đồng đánh bạc cùng các đối tượng trên. Đến 21 giờ cùng ngày lực lượng Công an huyện Kim Thành phối hợp với Công an xã Cộng Hòa kịp thời phát hiện bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bài hình tròn. Thu giữ trên nền nhà thờ số tiền 12.000.000đồng. Thu giữ của các đối tượng tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 29.200.000đồng(trong đó của C 11.990.000đồng, V 1.000.000đồng, T1 8.300.000đồng, K 5.550.000đồng, T 20.000đồng, T2 630.000đồng, M 410.000đồng, D 1.300.000đồng).

Tại Cáo trạng số 15/CT-VKSKT ngày 17/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Đức V, Nguyễn Đức C, Vũ Văn T, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Đức K, Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Đức H về tội “ Đánh bạc ”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Đức V, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 27 đến 30 tháng tù được trừ 3 ngày tạm giữ, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đức C, Nguyễn Đức K, Vũ Văn T, Nguyễn Đức T1(áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T1), đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Đức C từ 24 đến 27 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 54 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án; Vũ Văn T từ 21 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 42 đến 48 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án; Nguyễn Đức T1 từ 18 đến 21 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 42 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án; Nguyễn Đức K từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức H (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức H), đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức T2 mỗi bị cáo từ 27 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 3 ngày tạm giữ); Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H từ 24 đến 27 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 3 ngày tạm giữ). Ngoài ra, quan điểm của Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo và xem xét giải quyết về vật chứng và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Điều tra Công an huyện Kim Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết

định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, nội dung Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Trong thời gian từ khoảng 20 giờ 10 phút đến 21 giờ ngày 23/02/2018, tại nhà thờ họ Nguyễn Đức tại thôn L, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Đức V, Nguyễn Đức C, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Đức K, Vũ Văn T, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức H, Nguyễn Đức D có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh xóc đĩa mục đích sát phạt nhau bằng tiền với tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 41.200.000đồng. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm tội Đánh bạc quy định tại khoản 01 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo về tội phạm trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội, gây dư luận xấu trên địa bàn nơi xảy ra tội phạm. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc là trái pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện để sát phạt nhau nhằm thu lợi bất chính. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò phạm tội của từng bị cáo trong vụ án này thì thấy: Bị cáo Nguyễn Đức V là người khởi xướng, trực tiếp chuẩn bị công cụ phạm tội, là người cầm cái đầu tiên và thực hiện hành vi phạm tội tích cực nên giữ vai trò chính. Các bị cáo Nguyễn Đức C, Vũ Văn T, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Đức K, Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Đức H giữ vai trò đồng phạm là người thực hành.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Đức T1, Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức H gia đình có công với cách

mạng. Các bị cáo đều có bố đẻ có thành tích trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Do đó, các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Từ phân tích đánh giá về tính chất mức độ hành vi phạm tội, vai trò phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy đối với bị cáo Nguyễn Đức V cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định tương xứng với tính chất hành vi, vai trò của bị cáo để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người công dân lương thiện có ích cho xã hội. Đối với các bị cáo Nguyễn Đức C, Vũ Văn T, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Đức K, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mà chỉ cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, giao các bị cáo về cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ điều kiện giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành người công dân lương thiện có ích cho xã hội. Đối với các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Đức H có vai trò sau cùng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo và khấu trừ một phần thu nhập của các bị cáo trong thời gian bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân lương thiện có ích cho xã hội và thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự còn quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, song xét tính chất hành vi các bị cáo đã thực hiện, cần phạt tiền từng mức cụ thể theo vai trò của từng bị cáo mới là phù hợp.

[8] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương đã thu tại chiếu bạc số tiền 41.200.000đồng. Xét thấy, đây là số tiền mà các bị cáo đã dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên cần phải tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với 01 đĩa sứ, 01 bát sứ, 04 quần bài các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

[9] Về án phí: Các bị cáo bị kết luận có tội, nên các bị cáo đều phải chịu tiền án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức V; khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đức C, Vũ Văn T, Nguyễn Đức K; khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức T1; khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức T2; khoản 1 và khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức H; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức V, Nguyễn Đức C, Vũ Văn T, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Đức K, Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Đức H phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức V 27 (*hai bảy*) tháng tù được trừ 03 ngày tạm giữ, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức C 24 (*hai bốn*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 21 (*hai một*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 42 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T1 18 (*mười tám*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức K 15 (*mười lăm*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng thời hạn tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức T2 mỗi bị cáo 27 (*hai bảy*) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị tạm giữ sau khi quy đổi là 09 ngày, các bị cáo còn phải chấp hành 26 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo được tính từ ngày cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi các bị cáo thường trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 24 (*hai bốn*) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị tạm giữ sau khi quy đổi là 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành 23 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính từ ngày cơ quan, tổ chức,

chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 10% thu nhập của các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Đức H trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để sung quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo Nguyễn Đức C, Vũ Văn T, Nguyễn Đức K, Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Đức H về cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của án treo và thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Đức T1 về cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp Nguyễn Đức C, Vũ Văn T, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Đức K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 01 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Nguyễn Đức V phải nộp 15.000.000đồng(*mười lăm triệu*)đồng tiền phạt bổ sung sung quỹ Nhà nước. Buộc bị cáo Nguyễn Đức C, Vũ Văn T, Nguyễn Đức T1 mỗi bị cáo phải nộp 12.000.000đồng(*mười hai triệu*)đồng tiền phạt bổ sung sung quỹ Nhà nước. Buộc các bị cáo Nguyễn Đức K, Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Đức H mỗi bị cáo phải nộp 10.000.000đồng(*mười triệu*) tiền phạt bổ sung sung quỹ Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 41.200.000đồng; Tịch thu cho hủy bỏ 01 đĩa sứ, 01 bát sứ, 04 quân bài (*Toàn bộ vật chứng nêu trên có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/4/2018 và hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành quản lý*)

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Đức V, Nguyễn Đức C, Vũ Văn T, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Đức K, Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức M, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Đức H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQĐT Công an huyện Kim Thành;
- CQTHA Hình sự huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Các bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Bích